

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

năm 2020

Thời điểm kiểm kê: Ngày..... Tháng 1 năm 2021

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Bằng	Chức vụ: Chủ tịch HD kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Chức vụ:.....
- Ông: Trần Đình Luân	Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Chức vụ:.....
- Ông: Hoàng Việt Dũng	Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Chức vụ:.....
- Ông: Trần Đình Diệu	Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS	- Ông/ bà:.....	Chức vụ:.....
Chức vụ:		- Ông/ bà:.....	Chức vụ:.....

Đã kiểm kê TSCD và tài sản khác tại: Phòng TN: Trại ngọt Hưng Nguyễn, kết quả như sau

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
I	Nhà cửa vật kiến trúc						
II	Tài sản máy móc thiết bị						
1	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.003	01/01/2014.	.	1	✓	
2	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.004	01/01/2014.	.	1	✓	
3	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.005	01/01/2014.	.	1	✓	
4	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.006	01/01/2014.	.	1	✓	
5	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.007	01/01/2014.	.	1	✓	
6	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.008	01/01/2014.	.	1	✓	
7	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.009	01/01/2014.	.	1	✓	
8	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.010	01/01/2014.	.	1	✓	
9	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.011	01/01/2014.	.	1	✓	
10	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.012	01/01/2014.	.	1	✓	
11	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.013	01/01/2014.	.	1	✓	
12	Mạng điện cho toàn trại	01420.00.030000.068	01/01/2014.	.	1	✓	
13	Hệ thống kiểm tra chất lượng nước	01420.00.030000.069	30/12/2014.	.	1	✓	
14	Máy bơm LT270-12 15kw - trạm bơm	01420.01.030000.001	10/07/2017.	.	2	✓	
III	Tài sản Đồ gỗ quản lý						
IV	Phương tiện vận tải truyền dẫn						
V	Tài sản có định khác						
VI	Cây lâu năm						
VII	Tài sản cố định vô hình						
VIII	Sách và tài liệu mã hóa						
IX	Sách và giáo trình						
X	Công cụ dụng cụ thiết bị						
1	Tủ lạnh Sanyo	01420.00.110000.073	30/09/2017.	.	1	✓	
2	Xe Kiến An	01420.01.110000.001	05/05/2016.	.	1	✓	

Mẫu số: CS3-HD

(Ban hành theo Thông tư số 10/2017/TT-BT ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Số BB 303/330

stt	Tên tài sản	Mã tài sản	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
3	Bình inox, bình đứng, loại 1000L	01420.01.110000.002	05/05/2016.	.	1	1	
4	Giá đỡ bình inox cao 3m, hàn bằng ống tít	01420.01.110000.003	05/05/2016.	.	1	1	
5	Máy bơm nước lên bồn inox loại 0.75 kw, hút chân không	01420.01.110000.004	05/05/2016.	.	1	1	
6	Lưới kéo cá (loại dài 60m, cao 3.5m, chì dày)	01420.01.110000.005	05/05/2016.	.	1	1	
XI	Công cụ dụng cụ đồ gỗ			.			
1	Tủ nhôm kính	01420.00.120000.002	01/01/2006.	.	8	8	
2	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	01420.00.120000.003	01/01/2006.	.	1	1	
3	Bàn học sinh lim 1,2m	01420.00.120000.005	01/01/2002.	.	8	8	
4	Ghế tựa nhựa to	01420.00.120000.006	01/01/2010.	.	9	9	
5	Tủ đựng tài liệu sắt	01420.00.120000.011	01/01/2002.	.	2	2	
6	Giường tầng sắt V	01420.00.120000.016	01/01/2002.	.	7	7	
7	Bàn chống lửa Ceramic 2,4m	01420.00.120000.018	01/01/2006.	.	1	1	
XII	Bàn, ghế giảng đường			.			
XIII	Thiết bị phòng Thí nghiệm			.			

Nghệ An, ngày.... tháng.... năm 2021

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

PHÒNG QT&ĐT

PHÒNG KH-TC

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

BỘ PHẬN KIỂM KÊ

Ng. A. Đức